

Bản án số: 28/2024/HS-ST
Ngày 16-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hòa Nhân - Hiệu phó Trường THCS Thị trấn;
2. Ông Nguyễn Hồng Phúc - Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trang Hoàng Mỹ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lương – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2024/TLST-HS ngày 07-03-2024 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn K**, sinh năm: 1994, tại: tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: **Ấp B, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh**; Chỗ ở hiện nay: **Ấp V, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh**; Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ học vấn: 03/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông **Nguyễn Văn C** và bà **Nguyễn Thị D**; Anh em ruột: Có 03 người; Vợ: **Nguyễn Thị Hồng N**; Con: Có 01 người, sinh năm 2017; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 09/3/2022 bị **Công an xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; Bị cáo bị tạm giữ ngày 10/01/2024, chuyển tạm giam ngày 19/01/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

2. **Lê Thanh N1**, sinh năm: 2005, tại: tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: **Ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh**; Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ học vấn: 07/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông **Lê Văn S** và bà **Nguyễn Thị K1**; Anh ruột: Có 01 người; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Có 01

tiền sự tại Quyết định số 11/QĐ-XPHC ngày 07/4/2023, của Công an xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh xử phạt về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; Bị cáo bị tạm giữ ngày 10/01/2024, chuyển tạm giam ngày 19/01/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

3. Lê Trung H, sinh năm: 2002, tại: tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp X, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 09/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Thanh A và bà Lê Thị Kim P; Em ruột: Có 01 người; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không có; Bị cáo bị tạm giữ ngày 10/01/2024, chuyển tạm giam ngày 19/01/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

4. Mai Văn T (Tên gọi khác: B), sinh năm: 1998, tại: tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 08/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Hòn Văn H1 (chết) và bà Mai Thị E; A, chị, em ruột: Không có; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không có; Bị cáo bị tạm giữ ngày 10/01/2024, chuyển tạm giam ngày 19/01/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

5. Nguyễn Trọng N2, sinh ngày: 22-4-2006, tại: tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ học vấn: 05/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Cha: Vô danh; Con bà Nguyễn Thị Thu H2; A, chị, em ruột: Không có; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không có; Bị cáo bị tạm giữ ngày 10/01/2024, chuyển tạm giam ngày 19/01/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Trọng N2: Bà Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Ấp B, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trọng N2: Ông Lê Minh H3 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 10/01/2024, Nguyễn Văn K đang tổ chức uống rượu tại nhà thuê thuộc ấp V, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh cùng với Lê Trung H, Mai Văn T, Lê Thanh N1, Nguyễn Trọng N2 và Đặng Công T1, sinh năm 2007, ngụ ấp B, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (T1 không uống rượu nên đi ra phía trước nhà chơi game). Do có nhu cầu sử dụng ma túy, K rủ H, T, N1, N2 hùn tiền mua ma túy để sử dụng thì tất cả đồng ý. H ứng trước 1.000.000 đồng đưa cho K nói “H ứng tiền ra trước mua ma túy rồi mọi người hùn tiền trả

lại sau” thì tất cả đồng ý. **K** đưa tiền cho **N2** để mua ma túy, **N2** điều khiển xe mô tô biển số 70L3-0986 của Kiệt đến đường hẻm thuộc **ấp C, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh** gặp người đàn ông tên **T2** (không rõ nhân thân, lai lịch) để mua 01 bịch ma túy và mang về cho **K**. Kiệt kêu **N1** làm bộ dụng cụ sử dụng ma túy để lên bàn. Kiệt, **H, T, N1** và **N2** rủ **T1** vào nhà sử dụng ma túy thì **T1** đồng ý. Kiệt cắt đoạn ống hút có chứa ma túy đổ một phần ma túy vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy, phần ma túy còn lại trong đoạn ống hút Kiệt hàn kín lại để trên cửa sổ cạnh bàn nhậu và kêu **N2** lấy cát để dành hôm khác **K, H, T, N1** và **N2** sử dụng. Sau đó, **K** dùng bật lửa đun nóng ma túy lên, **K** sử dụng trước rồi chuyển lần lượt cho **H, T, N1, N2** và **T1** sử dụng mỗi người 02 hơi thì **H** và **N2** đi ra phía trước nhà chơi game. Sau đó có **Bùi Văn L**, sinh năm 1993, ngụ **ấp B, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh** và **Trần Văn T3**, sinh năm 2000, ngụ **ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh** đến nhà **K** chơi. Tại đây **K** rủ **L** và **T3** vào sử dụng ma túy thì **L** và **T3** đồng ý. **L** và **T3** mỗi người sử dụng được 02 hơi thì Công an đến kiểm tra bắt quả tang, thu giữ vật chứng có liên quan. Qua kiểm tra phòng ngủ của **K** thu giữ thêm 01 dụng cụ sử dụng ma túy và 01 đoạn ống hút bên trong có chứa chất ma túy (đây là số ma túy mà **N2** đem cất giấu).

Qua kiểm tra nhanh chất ma túy, phát hiện **Nguyễn Văn K, Lê Thanh N1, Lê Trung H, Mai Văn T, Nguyễn Trọng N2, Đặng Công T1, Bùi Văn L** và **Trần Văn T3** dương tính với chất ma túy, loại Methamphetamine.

Kết luận giám định số: 95/KL-KTHS, ngày 18/01/2024 của **Phòng K2 Công an tỉnh T** kết luận:

- Mẫu chất tinh thể rắn (kí hiệu M) bên trong 01 đoạn ống thủy tinh trong suốt, một đầu có ụ tròn gửi đến giám định là chất ma túy; Loại Methamphetamine; Khối lượng 0,0729 gam.

- Mẫu chất tinh thể rắn (kí hiệu M1) bên trong 01 đoạn ống hút bằng nhựa màu trắng hàn kín hai đầu gửi đến giám định là chất ma túy; Loại Methamphetamine; Khối lượng 0,8274 gam.

* Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng:

- 01 (một) gói niêm phong số 95M, có chữ ký của giám định viên **Nguyễn Văn N3**, trợ lý giám định **Phan Quốc V** và đóng dấu tròn của **Phòng K2 Công an tỉnh T**;

- 01 (một) gói niêm phong số 95M1, có chữ ký của giám định viên **Nguyễn Văn N3**, trợ lý giám định **Phan Quốc V** và đóng dấu tròn của **Phòng K2 Công an tỉnh T**;

- 01 (một) dụng cụ sử dụng ma túy được làm bằng chai nhựa hiệu Number one màu đỏ có nắp chai màu đỏ bằng nhựa trên nắp chai có gắn 01 đoạn ống hút;

- 01 (một) dụng cụ sử dụng ma túy được làm bằng chai nhựa hiệu Sting có nắp chai màu đỏ trên nắp chai có gắn 01 ống thủy tinh, 01 đầu có ụ tròn và 01 đầu ống hút; 02 (hai) cái bật lửa;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu N5, số IMEL: 356897072106981, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus, số IMEL: 358352066528129, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, số IMEL1: 350981864023830, đã qua sử dụng;

- 01 (một) xe mô tô biển số 70L3-0986, số máy: VNALC150FMG003984, số khung: RNADCG2NA41002498, đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô biển số 70F1-893.00, số máy: CGA1ID239470, số khung: MH8DL11AZMJ239450, đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô biển số 70L3-4057, loại xe cúp màu xanh, số máy và số khung: không tìm thấy, đã qua sử dụng.

Hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

* Qua xác minh, các bị cáo không có tài sản nên Công an huyện B, tỉnh Tây Ninh không kê biên.

Tại bản cáo trạng số: 21/CT-VKS ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn K, Lê Thanh N1, Lê Trung H, Mai Văn T, Nguyễn Trọng N2, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 và điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, và Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Thanh N1 từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Thanh N1 từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

3. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Lê Trung H** từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Lê Trung H** từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

4. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Mai Văn T** từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Mai Văn T** từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt các bị cáo theo quy định.

5. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 101 và Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trọng N2** từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 101 và Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trọng N2** từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ Điều 55 và Điều 103 của Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt bị cáo **N2** theo quy định.

Do các bị cáo không có tài sản nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thống nhất với luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận, bào chữa.

Trợ giúp viên pháp lý trình bày lời bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Trọng N2**: Thống nhất với tội danh, điều khoản do đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Ngoài ra, Hội đồng xét xử cần xem xét cân nhắc, bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế; vai trò của bị cáo trong vụ án này rất mờ nhạt, bị cáo không chủ động không khởi xướng mà bị rủ rê, xúi giục phạm tội; cha mẹ bị cáo không còn sống chung khi bị cáo còn rất nhỏ, bị cáo sống cùng với mẹ và ông ngoại nên bị cáo không nhận được tình yêu thương dạy dỗ đầy đủ từ cha mẹ như bao người khác từ đó ảnh hưởng một phần đến sự hình thành nhân cách bị cáo. Việc xử lý người chưa thành niên phạm tội phải đảm bảo lợi ích tốt nhất cho họ vì mục đích cuối cùng là giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đối với tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”: Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 và Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng N2 từ 04 năm đến 05 năm tù.

- Đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 và Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng N2 từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Kiểm sát viên tranh luận với Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo N2: Vai trò của bị cáo trong vụ án không mờ nhạt vì bị cáo đồng ý thống nhất hùn tiền mua ma túy sử dụng, bị cáo là người đi mua ma túy và cất giấu ma túy nên không thể cho rằng bị cáo N2 bị các bị cáo khác rủ rê, xúi giục. Do đó, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo sớm về với gia đình và làm người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện: Do có nhu cầu sử dụng ma túy để thỏa mãn cơn nghiện nên vào khoảng 14 giờ ngày 10/01/2024, tại nhà thuê của bị cáo Nguyễn Văn K thuộc ấp V, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Các bị cáo Nguyễn Văn K, Lê Thanh N1, Lê Trung H, Mai Văn T và Nguyễn Trọng N2 (tính đến ngày 10/01/2024 được 17 năm 8 tháng 19 ngày tuổi) có hành vi tổ chức cho Đặng Công T1 (tính đến ngày 10/01/2024 được 16 năm 11 tháng 28 ngày tuổi), Bùi Văn L và Trần Văn T3 sử dụng trái phép chất ma túy loại Methamphetamine thì bị bắt quả tang. Qua kiểm tra, phát hiện các bị cáo Nguyễn Văn K, Lê Thanh N1, Lê Trung H, Mai Văn T và Nguyễn Trọng N2 còn cất giấu 0,8274 gam chất ma túy loại Methamphetamine để tiếp tục sử dụng.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà N4 về các chất ma túy nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với lời trình bày

của những người tham gia tổ tụng khác. Do đó, hành vi của các bị cáo đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 và điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[3] Vụ án mang tính chất rất nghiêm trọng, ngoài bị cáo **N2** thì các bị cáo còn lại là người đã thành niên, nhận thức rõ hành vi tổ chức sử dụng và tàng trữ ma túy là vi phạm pháp luật và biết hậu quả của việc nghiện ma túy là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, nhưng vì không thể từ bỏ được ma túy nên các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Xét vai trò của từng bị cáo thì thấy rằng, bị cáo **K** là người khởi sướng rủ rê bàn bạc với các bị cáo khác và chỉ dẫn bị cáo **N2** đi mua túy nên bị cáo **K** phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo khác; bị cáo **H** là người ứng tiền; bị cáo **Nghĩa 1** đi mua và cất giấu ma túy nên phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục răn đe các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[4] Khi quyết định hình phạt, có xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với các bị cáo như sau:

[4.1] Tình tiết tăng nặng: Không có.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo **H** có tham gia nghĩa vụ quân sự; bị cáo **N2** không còn sống chung với cha khi bị cáo còn rất nhỏ nên bị cáo không nhận được đầy đủ tình yêu thương và dạy dỗ từ cha mẹ nên phần nào ảnh hưởng đến sự hình thành nhân cách của bị cáo nên bị cáo **H** và **N2** được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.2] Về nhân thân: Bị cáo **K** có nhân thân xấu, ngày 09/3/2022 bị **Công an xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; Bị cáo **N1** có 01 tiền sự, tại Quyết định số 11/QĐ-XPHC ngày 07/4/2023, của **Công an xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh** xử phạt về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Do đó, cần xem xét khi quyết định hình phạt.

Hình phạt bổ sung: Xét thấy, qua kết quả xác minh các bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

[5.1] Đối với 01 (một) gói niêm phong số 95M, có chữ ký của giám định viên **Nguyễn Văn N3**, trợ lý giám định **Phan Quốc V** và đóng dấu tròn của **Phòng K2 Công an tỉnh T**; 01 (một) gói niêm phong số 95M1, có chữ ký của giám định viên **Nguyễn Văn N3**, trợ lý giám định **Phan Quốc V** và đóng dấu tròn của **Phòng K2 Công an tỉnh T**; 01 (một) dụng cụ sử dụng ma túy được làm bằng

chai nhựa hiệu Number one màu đỏ có nắp chai màu đỏ bằng nhựa trên nắp chai có gắn 01 đoạn ống hút; 01 (một) dụng cụ sử dụng ma túy được làm bằng chai nhựa hiệu Sting có nắp chai màu đỏ trên nắp chai có gắn 01 ống thủy tinh, 01 đầu có ụ tròn và 01 đầu ống hút; 02 (hai) cái bật lửa là vật cấm tàng trữ và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[5.2] Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 70L3-0986, số máy: VNALC150FMG003984, số khung: RNADCG2NA41002498, đã qua sử dụng là của bị cáo **K**; 01 (một) điện thoại di động hiệu **N5**, số IMEL: 356897072106981, đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus, số IMEL: 358352066528129, đã qua sử dụng là của bị cáo **T**; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, số IMEL1: 350981864023830, đã qua sử dụng và 01 (một) xe mô tô biển số 70F1-893.00, số máy: CGA1ID239470, số khung: MH8DL11AZMJ239450, đã qua sử dụng là của bị cáo **H**. Xét thấy, không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo **K**, **T** và bị cáo **H**.

[5.3] Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 70L3-4057, loại xe cúp màu xanh, số máy và số khung: không tìm thấy, đã qua sử dụng không rõ chủ sở hữu nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[6] Đối với người thanh niên tên **T2** bán ma túy cho bị cáo **N2** do không xác định rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện B** chưa làm việc được, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[7] Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo: **Nguyễn Văn K**, **Lê Thanh N1**, **Lê Trung H**, **Mai Văn T**, **Nguyễn Trọng N2** và anh **Đặng Công T1**, **Bùi Văn L** và **Trần Văn T3**, **Công an huyện B**, tỉnh Tây Ninh đã ra Quyết định xử phạt hành chính là đúng quy định pháp luật.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà các bị cáo đã thực hiện.

[9] Xét đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo **N2** tại phiên tòa: Như đã phân tích nêu trên, một phần có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, còn lại một phần không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[10] Do Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo có tội và bị kết án nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn K** phạm tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn K** 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn K** phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn K** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo **Nguyễn Văn K** phải chấp hành hình phạt chung là 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 10/01/2024.

2. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo **Lê Thanh N1** phạm tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo **Lê Thanh N1** 08 (tám) năm tù.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo **Lê Thanh N1** phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo **Lê Thanh N1** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo **Lê Thanh N1** phải chấp hành hình phạt chung là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 10/01/2024.

3. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo **Lê Trung H** phạm tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo **Lê Trung H** 08 (tám) năm tù.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo **Lê Trung H** phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo **Lê Trung H** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo **Lê Trung H** phải chấp hành hình phạt chung là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 10/01/2024.

4. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo **Mai Văn T** phạm tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo **Mai Văn T** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo **Mai Văn T** phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo **Mai Văn T** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo **Mai Văn T** phải chấp hành hình phạt chung là 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 10/01/2024.

5. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, 91, 101 và Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Trọng N2** phạm tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trọng N2** 06 (sáu) năm tù.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, 91, 101 và Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Trọng N2** phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trọng N2** 01 (một) năm tù.

Căn cứ Điều 55 và Điều 103 của Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo **Nguyễn Trọng N2** phải chấp hành hình phạt chung là 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 10/01/2024.

6. Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

6.1. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) gói niêm phong số 95M, có chữ ký của giám định viên **Nguyễn Văn N3**, trợ lý giám định **Phan Quốc V** và đóng dấu tròn của **Phòng K2 Công an tỉnh T**; 01 (một) gói niêm phong số 95M1, có chữ ký của giám định viên **Nguyễn Văn N3**, trợ lý giám định **Phan Quốc V** và đóng dấu tròn của **Phòng K2 Công an tỉnh T**; 01 (một) dụng cụ sử dụng ma túy được làm bằng chai nhựa hiệu Number one màu đỏ có nắp chai màu đỏ bằng nhựa trên nắp chai có gắn 01 đoạn ống hút; 01 (một) dụng cụ sử dụng ma túy được làm bằng chai nhựa hiệu Sting có nắp chai màu đỏ trên nắp chai có gắn 01 ống thủy tinh, 01 đầu có ụ tròn và 01 đầu ống hút; 02 (hai) cái bật lửa.

6.2. Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 (một) xe mô tô biển số 70L3-4057, loại xe cúp màu xanh, số máy và số khung: không tìm thấy, đã qua sử dụng.

6.3. Trả lại cho:

- Bị cáo **K** 01 (một) xe mô tô biển số 70L3-0986, số máy: VNALC150FMG003984, số khung: RNADCG2NA41002498, đã qua sử dụng.

- Bị cáo **T** 01 (một) điện thoại di động hiệu **N5**, số IMEL: 356897072106981, đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus, số IMEL: 358352066528129, đã qua sử dụng.

- Bị cáo **H** 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, số IMEL1: 350981864023830, đã qua sử dụng và 01 (một) xe mô tô biển số 70F1-893.00, số máy: CGA1ID239470, số khung: MH8DL11AZMJ239450, đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu).

7. Án phí:

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo **Nguyễn Văn K**, **Lê Thanh N1**, **Lê Trung H**, **Mai Văn T** và **Nguyễn Trọng N2**, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra nghiệp vụ TAND tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- VKSND tỉnh;
- Cơ quan THAHS có thẩm quyền;
- Nhà tạm giữ-CQCSĐT.Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vui